**Đề tài: Xây dựng website bán điện thoại**

**Đặc tả:**

* Tổng quan: Website gồm 2 trang: Trang dành cho khách hàng (trang giao diện) và trang quản trị dành cho admin. Trang web kinh doanh các ngành hàng như điện thoại, máy tính bảng, phụ kiện.
* **Trang dành cho khách hàng:** 
  + Xem danh mục loại sản phẩm: điện thoại, máy tính bảng, phụ kiện, sản phẩm khuyến mãi.
  + Xem thương hiệu sản phẩm: mã, tên.
  + Xem sản phẩm khuyến mãi, sản phẩm nổi bật, sản phẩm mới.
  + Thông tin khuyến mãi: tên sản phẩm và giá sản phẩm khuyến mãi.
  + Thông tin sản phẩm: mã, tên, giá bán, hình ảnh, mô tả.
  + Thông tin chi tiết mỗi sản phẩm gồm: mã, tên sản phẩm, đơn giá, hình ảnh chi tiết, thông tin chi tiết, mô tả, màu sắc, loại sản phẩm.
  + Thông tin khách hàng: họ tên, số điện thoại, địa chỉ .
  + Thông tin giỏ hàng: tên, hình ảnh, màu sắc, số lượng, đơn giá, thành tiền.
* **Trang dành cho ban quản trị:**
* Đối với admin:

+ Quản lý thương hiệu:

* Các thương hiệu website đang kinh doanh: Oppo, Samsung, Sony, Apple, Huawei, HTC.
* Chức năng: xem danh sách, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm.

+ Quản lý loại hàng:

* Thông tin loại hàng gồm:
  + - * Với điện thoại và máy tính bảng: android 8.0(Oreo), android 5.0, iOS12, iOS7.
      * Với phụ kiện: loa, tai nghe, pin dự phòng, thẻ nhớ, usb.
* Chức năng: xem danh sách, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm.

+ Quản lý mặt hàng:

* Thông tin mặt hàng gồm: Tên Mặt Hàng, Mô Tả, Tóm Tắt Mô Tả, Bộ Nhớ Ram, Kích Thước Màn Hình, Hình Ảnh, Giá Bán, Lượt Mua, Lượt Xem.
* Chức năng: xem danh sách, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm.

+ Quản lý hóa đơn:

* Thông tin hóa đơn gồm: STT, Mã Hóa Đơn, Ngày Lập, Tổng Tiền, Trạng Thái.
* Chức năng:tìm kiếm, xem danh sách hóa đơn, duyệt hóa đơn.
* Với chức năng duyệt hóa đơn, khi khách hàng đặt hàng, trang quản lý sẽ load lên thông tin hóa đơn, trạng thái mặc định của hóa đơn là “chưa xác nhận”. Sau khi liên hệ với khách hàng và thỏa thuận thành công, nhân viên tiến hành duyệt hóa đơn với các trạng thái (chưa xác nhận, chờ giao hàng, đang giao hàng, xác nhận, hủy).

+ Quản lý chi tiết hóa đơn: khi nhấn chọn vào một hóa đơn trong bảng quản lý hóa đơn, chi tiết hóa đơn sẽ hiện.

* Thông tin chi tiết hóa đơn gồm: STT, Mã Hóa Đơn, Mã Mặt Hàng, Số Lượng, Thành Tiền, Trạng Thái.
* Chức năng: xem danh sách chi tiết hóa đơn.

+ Quản lý khuyến mãi:

* Thông tin khuyến mãi gồm: STT, Mã Khuyến Mãi, Nội Dung, Ngày Bắt Đầu, Ngày Kết Thúc.
* Chức năng: tìm kiếm, xem danh sách, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm.

+ Quản lý chi tiết khuyến mãi:

* Thông tin khuyến mãi gồm: STT, Mã Khuyến Mãi, Mã Chi Tiết Khuyến Mãi, Nội Dung, Giá Giảm, Trạng Thái.
* Chức năng: tìm kiếm ,xem danh sách, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm.

+ Quản lý user: chỉ admin mới được phép chỉnh sửa thông tin.

* Thông tin user gồm: STT, Email, Mật Khẩu, Tên, Quyền.
* Chức năng: tìm kiếm, xem danh sách, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm.

+ Quản lý khách hàng:

* Thông tin khách hàng: Tên, số điện thoại, địa chỉ.
* Chức năng: Xem danh sách khách hàng.
* Đối với nhân viên: Nhân viên có thể tìm kiếm và xem các thông tin của trang quản lý nhưng không được phép chỉnh sửa thông tin hay xóa trên trang quản lý.

Mô tả Usecase:

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase** | Đặt hàng |
| **ID** | 06 |
| **Tác nhân chính** | Khách hàng. |
| **Phạm vi** | Khách hàng truy cập vào website và chọn hàng hóa cần mua. |
| **Mô tả ngắn gọn** | Usecase này thực hiện khi khách hàng muốn mua sản phẩm từ website. Hệ thống sẽ lưu đơn đặt hàng này. |
| **Điều kiện** | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động. |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người dùng truy cập vào website sau đó chọn chức năng “đặt hàng”. |
| **Các luồng sự kiện** | **Luồng sự kiện chính:**   1. Khách hàng vào truy cập vào trang web. 2. Hệ thống sẽ hiển thị ra các sản phẩm. 3. Chọn sản phẩm cần mua. 4. Hệ thống sẽ hiển thị ra chi tiết sản phẩm. 5. Nếu khách hàng chọn “đặt hàng” thì hệ thống sẽ hiển thị sản phẩm trong form giỏ hàng và thêm mã sản phẩm vào giỏ hàng. 6. Thông tin chi tiết giỏ hàng sẽ được hiển thị. 7. Khách hàng chọn số lượng sản phẩm muốn mua, và chọn “Cập nhật” để cập nhật lại số tiền. 8. Khách hàng có thể chọn chức năng xóa sản phẩm. Nếu khách hàng có thể chọn chức năng xóa sản phẩm thì thực hiện lại bước 1, và nếu chọn chức năng thanh toán hoặc chỉ xóa một sản phẩm thì sẽ thực hiện bước 9. 9. Chọn thanh toán. Hệ thống sẽ hiển thị ra form yêu cầu điền đầy đủ thông tin đặt hàng, nhập đầy đủ thông tin rồi mới thanh toán. 10. Hệ thống sẽ kiểm tra tính hợp lệ của thông tin thanh toán. Nếu thông tin không chính xác hệ thống sẽ thông báo thông tin thanh toán không hợp lệ, hệ thống sẽ thực hiện lại đơn đặt hàng. 11. Hệ thống sẽ lưu đơn đặt hàng và xóa giỏ hàng đã thanh toán. 12. Hệ thống sẽ thông báo đặt hàng thành công. Chuyển hướng về trang chủ. 13. Usecase kết thúc. |
| **Phạm vi ảnh hưởng** | Nếu usecase được thực hiện thành công thì cơ sở dữ liệu sẽ được cập nhật thông tin sản phẩm. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase** | Tìm kiếm sản phẩm |
| **ID** | 07 |
| **Tác nhân chính** | Admin, nhân viên, khách hàng. |
| **Phạm vi** | Dùng cho khách hàng muốn tìm kiếm thông tin linh kiện trực tuyến. |
| **Mô tả ngắn gọn** | Usecase này thực hiện khi khách hàng tìm kiếm sản phẩm từ website. Hệ thống sẽ hiển thị ra các sản phẩm được tìm kiếm. |
| **Điều kiện** | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động. |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người dùng truy cập vào website sau đó chọn chức năng “Tìm kiếm”. |
| **Các luồng sự kiện** | **Luồng sự kiện chính:**   1. Khách hàng truy cập vào trang web. 2. Hệ thống hiển thị ra các sản phẩm. 3. Chọn “Tìm kiếm”. 4. Hệ thống sẽ hiển thị ra form tìm kiếm. 5. Khách hàng điền thông tin sản phẩm muốn tìm kiếm vào form. 6. Nếu thông tin chính xác sẽ thực hiện bước 7. Nếu thông tin khách hàng nhập không có trong website thì chuyển qua B1. 7. Thông tin chi tiết giỏ hàng sẽ được hiển thị. 8. Usecase kết thúc.   **Luồng sự kiện phụ B1:**   1. Website không hiện thông tin sản phẩm. 2. Usecase kết thúc |
| **Phạm vi ảnh hưởng** | Nếu usecase được thực hiện thành công thì cơ sở dữ liệu sẽ được cập nhật thông tin sản phẩm. |

